

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-42
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-42



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thái Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2018
Ông Mai Chiến Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Ngô Tuấn Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Tuấn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Hoàng Đức Dũng	Thành viên
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Mai Chiến Thắng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 20 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>494.498.923.432</b>	<b>436.748.133.549</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.674.279.973	42.696.397.937
111	1. Tiền		29.474.279.973	32.696.397.937
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		139.496.999.641	108.153.461.272
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	129.482.125.447	106.540.987.589
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.843.627.921	936.743.584
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.845.923.735	3.944.474.796
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.674.677.462)	(3.268.744.697)
140	IV. Hàng tồn kho	9	304.359.530.990	269.804.170.246
141	1. Hàng tồn kho		304.359.530.990	269.804.170.246
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.968.112.828	16.094.104.094
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		15.208.822.840	16.018.387.670
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.759.289.988	75.716.424
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>411.993.898.930</b>	<b>420.746.504.873</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		854.376.000	919.052.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	854.376.000	919.052.000
220	II. Tài sản cố định		91.215.334.917	102.440.576.495
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	58.509.552.444	65.120.722.841
222	- Nguyên giá		605.033.273.591	603.544.350.966
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(546.523.721.147)	(538.423.628.125)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	29.090.059.451	33.704.130.632
225	- Nguyên giá		51.614.276.568	52.815.836.568
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.524.217.117)	(19.111.705.936)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.615.723.022	3.615.723.022
228	- Nguyên giá		3.615.723.022	3.615.723.022
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.248.293.481	7.067.978.466
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.248.293.481	7.067.978.466
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	135.469.190.854	135.717.853.434
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		130.000.000.000	130.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.974.871.504)	(2.726.208.924)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		175.206.703.678	174.601.044.478
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	175.206.703.678	174.601.044.478
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>906.492.822.362</b>	<b>857.494.638.422</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>557.307.646.614</b>	<b>514.256.477.437</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>263.856.855.062</b>	<b>221.913.833.093</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	67.269.915.852	57.034.383.028
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	7.363.644.307	3.999.598.129
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.637.852.476	2.572.690.330
314	4. Phải trả người lao động		7.855.945.802	13.611.738.063
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.012.452.630	455.379.870
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	3.545.456
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	8.852.291.057	2.158.107.975
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	155.740.807.743	130.562.980.999
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.123.945.195	11.515.409.243
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>293.450.791.552</b>	<b>292.342.644.344</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	143.950.791.552	142.842.644.344
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	6.000.000.000	6.000.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>349.185.175.748</b>	<b>343.238.160.985</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	22	<b>349.304.475.748</b>	<b>342.988.160.985</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.657.650.000	280.657.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		49.692.625.661	50.011.480.090
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.978.166.482	12.342.997.290
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.041.205.967	8.061.320.284
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		11.936.960.515	4.281.677.006
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>(119.300.000)</b>	<b>250.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		(119.300.000)	250.000.000
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>906.492.822.362</b>	<b>857.494.638.422</b>

Lê Lan Phương

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Thanh Tùng

Kế toán trưởng



Mai Chiến Thắng

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	460.620.799.392	449.886.801.637
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.083.616.753	1.171.080.197
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		459.537.182.639	448.715.721.440
11	4. Giá vốn hàng bán	26	379.194.941.125	362.823.466.051
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.342.241.514	85.892.255.389
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	539.209.637	911.170.672
22	7. Chi phí tài chính	28	6.513.487.707	5.837.272.351
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.536.086.750	3.772.846.270
25	8. Chi phí bán hàng	29	25.547.008.151	21.020.413.889
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	34.261.864.086	29.771.182.631
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.559.091.207	30.174.557.190
31	11. Thu nhập khác	31	454.573.797	474.902.309
32	12. Chi phí khác	32	36.214.360	40.915.200
40	13. Lợi nhuận khác		418.359.437	433.987.109
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.977.450.644	30.608.544.299
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	2.995.490.129	6.121.708.860
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.981.960.515</u>	<u>24.486.835.439</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	427	873

*Bùi Thị Nga*

Bùi Thị Nga  
Người lập

*Nguyễn Thanh Tùng*

Nguyễn Thanh Tùng  
Kế toán trưởng



Mai Chiến Thắng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.977.450.644	30.608.544.299
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.512.604.203	11.437.393.853
03	- Các khoản dự phòng		1.654.595.345	1.091.705.818
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		158.943.371	17.867.342
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(461.678.569)	(801.754.056)
06	- Chi phí lãi vay		4.536.086.750	3.772.846.270
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.378.001.744	46.126.603.526
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.552.345.009)	(36.948.547.265)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(34.555.360.744)	(34.850.078.543)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.511.111.124	28.569.707.600
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(605.659.200)	(70.558.814)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.556.886.750)	(3.782.198.089)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.721.841.537)	(6.452.078.429)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	350.690.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.125.180.516)	(4.357.756.170)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(33.228.160.888)	(11.414.216.184)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.075.141.407)	(2.872.758.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	100.301.287
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(104.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		455.219.710	701.452.769
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.619.921.697)	(106.071.004.853)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		167.242.724.468	228.462.070.008
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(136.238.752.533)	(107.762.300.298)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(4.958.631.069)	(5.637.784.841)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(219.974.043)	(16.778.862.570)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		25.825.366.823	98.283.122.299
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.022.715.762)	(19.202.098.738)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.696.397.937	46.572.168.216
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		597.798	57.758
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>33.674.279.973</u>	<u>27.370.127.236</u>

Lê Lan Phương  
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng  
Kế toán trưởng



Mai Chiến Thắng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 280.657.650.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 280.657.650.000 đồng; tương đương 28.065.765 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất sản phẩm công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

011  
CÓT  
CHỨ  
NG  
A.  
SIVK

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.



**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào đánh giá khả năng thu hồi của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với khoản công nợ phải thu, thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	08 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao	

**2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận trước thuế cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10011  
CỔN  
CHÍNH  
TỔNG KẾ  
A.A.S  
PHIẾNG



## 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



**2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	557.734.274	691.099.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.916.545.699	32.005.298.493
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	10.000.000.000
	<u>33.674.279.973</u>	<u>42.696.397.937</u>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.200.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 4,1%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (1)	130.000.000.000	-	130.000.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>8.444.062.358</b>	<b>(2.974.871.504)</b>	<b>8.444.062.358</b>	<b>(2.726.208.924)</b>
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (2)	8.444.062.358	(2.974.871.504)	8.444.062.358	(2.726.208.924)
	<b>138.444.062.358</b>	<b>(2.974.871.504)</b>	<b>138.444.062.358</b>	<b>(2.726.208.924)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (1)	Hà Nội	26,00%	26,00%	Kinh doanh bất động sản
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (2)	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,00%	7,00%	Sản xuất than cốc

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia sẽ góp vốn thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàng Sơn" tại 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Tới thời điểm 30/06/2018, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn là 500 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ đồng. Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 06 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và báo toàn vốn đầu tư.

(2) Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/03/2018 của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng thường niên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng năm 2016, Công ty dự định thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến thoái toàn bộ vốn của khoản đầu tư này.



**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	19.808.990.277	-	17.565.509.784	-
Công ty TNHH Sao Mai Anh	32.809.875.351	-	24.121.643.385	-
Hợp tác xã Minh Thành	3.070.514.345	-	4.012.779.082	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyệt	8.345.152.073	-	6.085.182.597	-
Phải thu khách hàng khác	65.447.593.401	(4.674.677.462)	54.755.872.741	(3.162.826.197)
	<u>129.482.125.447</u>	<u>(4.674.677.462)</u>	<u>106.540.987.589</u>	<u>(3.162.826.197)</u>

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<u>2.912.868.500</u>	<u>(706.051.278)</u>	<u>5.514.573.500</u>	<u>-</u>
--	----------------------	----------------------	----------------------	----------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Hạ tầng P&P	1.283.473.450	-	549.942.550	-
Phillip Carbon Black LTD	1.141.050.000	-	-	-
Jiangyin Rutian International Trading CL LTD	1.773.929.413	-	9.810.036	-
Posco Daewoo Corporation	4.216.369.248	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.428.805.810	-	376.990.998	-
	<u>9.843.627.921</u>	<u>-</u>	<u>936.743.584</u>	<u>-</u>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>120.462.390</u>	<u>-</u>

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.042.192	-	3.583.333	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.704.208	-	1.814.425	-
Tạm ứng	725.420.424	-	95.091.424	-
Ký cược, ký quỹ	212.676.000	-	182.000.000	-
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black VN	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
Phải thu về các khoản chi hộ cho Công ty Cổ phần Philips Carbon	-	-	105.918.500	(105.918.500)
Phải thu tiền điện, nước các đối tượng thuê mặt bằng	349.691.632	-	107.729.644	-
Phải thu về bảo hiểm lao động	554.816.478	-	360.671.462	-
Phải thu khác	23.594.126	-	120.687.333	-
	<b>4.845.923.735</b>	<b>-</b>	<b>3.944.474.796</b>	<b>(105.918.500)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	854.376.000	-	919.052.000	-
	<b>854.376.000</b>	<b>-</b>	<b>919.052.000</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Phú Thịnh	362.867.292	-	362.867.292	-
- Công ty Cổ phần ô tô An Thái CONECO-Thái Bình	686.000.000	686.000.000	686.000.000	686.000.000
- Công ty TNHH Phong Lâm	991.205.745	-	991.205.745	-
- Nguyễn Thị Hương	2.265.347.670	2.265.347.670	2.295.071.905	2.295.071.905
- Các khoản khác	4.027.105.598	3.681.429.175	3.938.515.183	3.592.838.760
	<b>8.332.526.305</b>	<b>6.632.776.845</b>	<b>8.273.660.125</b>	<b>6.573.910.665</b>

(\*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu căn cứ trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về số nợ có thể thu hồi trong tương lai.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	170.270.145.691	-	151.613.362.828	-
Công cụ, dụng cụ	7.979.020.924	-	7.930.001.612	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.091.261.158	-	6.335.282.922	-
Thành phẩm	119.279.602.789	-	102.916.392.856	-
Hàng hoá	148.591.338	-	418.220.938	-
Hàng gửi đi bán	590.909.090	-	590.909.090	-
	<b>304.359.530.990</b>	<b>-</b>	<b>269.804.170.246</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ 95.781.685.812 đồng;

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>6.496.353.398</b>	<b>6.496.353.398</b>
- Dự án di dời và sản xuất lốp radial (1)	6.079.503.307	6.079.503.307
- Xây dựng nhà kho Chi nhánh Thái Bình (2)	416.850.091	416.850.091
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>2.187.913.327</b>	<b>400.134.545</b>
- Hệ thống cấp gió mát	363.770.909	363.770.909
- Máy luyện kín 270 lít XNLXH	489.269.918	36.363.636
- Trục máy luyện XH	1.323.872.500	-
- Các tài sản khác	11.000.000	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>564.026.756</b>	<b>171.490.523</b>
	<b>9.248.293.481</b>	<b>7.067.978.466</b>

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tính đến thời điểm 30/06/2018, dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, để án tính khâ thi để trình Bộ Công Thương phê duyệt.

(2) Công trình Nhà kho Chi nhánh Thái Bình có tổng mức đầu tư hơn 9 tỷ đồng, hiện đang trong quá trình hoàn thành tư vấn thiết kế, chuẩn bị mặt bằng và dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2018.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	51.518.438.841	1.297.397.727	52.815.836.568
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.201.560.000)	-	(1.201.560.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>50.316.878.841</b>	<b>1.297.397.727</b>	<b>51.614.276.568</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	18.325.943.281	785.762.655	19.111.705.936
- Trích khấu hao	4.249.360.753	127.908.768	4.377.269.521
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(964.758.340)	-	(964.758.340)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.610.545.694</b>	<b>913.671.423</b>	<b>22.524.217.117</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	33.192.495.560	511.635.072	33.704.130.632
Tại ngày cuối kỳ	28.706.333.147	383.726.304	29.090.059.451

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	3.615.723.022
Số dư cuối kỳ	3.615.723.022
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022
Tại ngày cuối kỳ	3.615.723.022

(\*) Tài sản cố định vô hình là giá trị của các lô đất có quyền sử dụng đất không thời hạn của Công ty.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.162.191.399	6.615.439.241
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam để thực hiện dự án (*)	165.638.495.613	167.080.896.570
Chi phí biển quảng cáo và bảo hiểm	2.406.016.666	904.708.667
	<b>175.206.703.678</b>	<b>174.601.044.478</b>

(\*) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ký kết hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPID ngày 18/07/2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m2 đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thông tin chi tiết về mục đích thuê đất để phục vụ dự án được nêu tại thuyết minh số 37.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	6.762.938.100	6.762.938.100	8.024.660.100	8.024.660.100
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	9.629.993.825	9.629.993.825	4.535.910.212	4.535.910.212
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	10.023.885.000	10.023.885.000	4.036.785.000	4.036.785.000
Công ty TNHH Jepsen&Jessen Ingredients Việt Nam	578.983.680	578.983.680	4.450.529.600	4.450.529.600
Công ty TNHH Thương mại Trường Sinh	5.491.500.000	5.491.500.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	34.782.615.247	34.782.615.247	35.986.498.116	35.986.498.116
	<b>67.269.915.852</b>	<b>67.269.915.852</b>	<b>57.034.383.028</b>	<b>57.034.383.028</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>95.000.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>4.950.000</b>	<b>4.950.000</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
IRSHAD TAHIR CO,LDT-Afghanistan Tyrecorp in Corporated	821.107.901	1.297.778.736
Xk Abu Bader Trading Company	-	572.613.106
Bộ tư lệnh Phòng không Không quân	3.270.123.593	75.890.735
Người mua trả tiền trước khác	724.000.000	-
	2.548.412.813	2.053.315.552
	<b>7.363.644.307</b>	<b>3.999.598.129</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**17 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.014.335.277	13.618.249.022	13.912.644.489	197.326.578	197.326.578	-	719.939.810	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	197.326.578	197.326.578	2.995.490.129	2.721.841.537	-	1.758.369.548	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.484.720.956	2.995.490.129	2.995.490.129	302.853.496	232.857.831	-	153.615.118	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	73.634.097	302.853.496	232.857.831	35.568.000	29.640.000	-	5.928.000	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	-	35.568.000	29.640.000	7.343.191.013	9.016.779.221	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	75.716.424	-	7.343.191.013	9.016.779.221	34.565.381	34.565.381	-	-	1.749.304.632	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	34.565.381	34.565.381	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>75.716.424</b>	<b>2.572.690.330</b>	<b>24.527.243.619</b>	<b>26.145.655.037</b>	<b>24.527.243.619</b>	<b>26.145.655.037</b>	<b>1.759.289.988</b>	<b>2.637.852.476</b>	<b>1.759.289.988</b>	<b>2.637.852.476</b>	<b>1.759.289.988</b>	<b>2.637.852.476</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	176.200.000	197.000.000
- Trích trước chi phí khuyến mại	4.013.551.000	-
- Trích trước chi phí làm biển quảng cáo	833.000.000	-
- Trích trước chi phí cơm công nghiệp	406.935.673	154.857.173
- Chi phí phải trả khác	1.582.765.957	103.522.697
	<b>7.012.452.630</b>	<b>455.379.870</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	631.370.540	269.690.548
- Bảo hiểm xã hội	735.164.330	6.419.900
- Bảo hiểm y tế	2.520	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	630	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	205.607.200	405.607.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.414.577.808	1.021.878.251
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	865.568.029	454.512.076
	<b>8.852.291.057</b>	<b>2.158.107.975</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	143.500.000.000	143.500.000.000
	<b>143.500.000.000</b>	<b>143.500.000.000</b>

(\*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng di dời Nhà máy về Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam với số tiền 435 tỷ đồng chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 4 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018. Tính đến thời điểm 30/06/2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty số tiền tương ứng là 143.500.000.000 đồng.

Hiện nay, do việc phải triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Công ty đã đề nghị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Vay Ngân hàng <sup>(1)</sup>	114.477.259.235	114.477.259.235	165.503.176.210	133.498.770.045	146.481.665.400	146.481.665.400
- Vay Cá nhân <sup>(2)</sup>	108.780.114.167	108.780.114.167	434.587.306	1.388.799.788	4.742.932.586	4.742.932.586
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.085.721.764	16.085.721.764	943.689.284	7.770.268.705	9.259.142.343	9.259.142.343
- Vay ngân hàng <sup>(3)</sup>	4.770.854.352	4.770.854.352	937.663.012	2.811.637.636	2.896.879.728	2.896.879.728
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả <sup>(4)</sup>	11.314.867.412	11.314.867.412	6.026.272	4.958.631.069	6.362.262.615	6.362.262.615
	<b>130.562.980.999</b>	<b>130.562.980.999</b>	<b>166.446.865.494</b>	<b>141.269.038.750</b>	<b>155.740.807.743</b>	<b>155.740.807.743</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay ngân hàng <sup>(5)</sup>	9.939.279.900	9.939.279.900	2.045.810.220	2.811.637.636	9.173.452.484	9.173.452.484
- Nợ thuế tài chính dài hạn <sup>(4)</sup>	18.989.086.208	18.989.086.208	6.026.272	4.958.631.069	14.036.481.411	14.036.481.411
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn <sup>(5)</sup>	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	<b>158.928.366.108</b>	<b>158.928.366.108</b>	<b>2.051.836.492</b>	<b>7.770.268.705</b>	<b>153.209.933.895</b>	<b>153.209.933.895</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.085.721.764)	(16.085.721.764)	(943.689.284)	(7.770.268.705)	(9.259.142.343)	(9.259.142.343)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>142.842.644.344</b>	<b>142.842.644.344</b>			<b>143.950.791.552</b>	<b>143.950.791.552</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:****(1) Bao gồm các hợp đồng sau:**

Hợp đồng cho vay hạn mức giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng với loại tiền vay là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: Được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 46.081.226.793 VND và 1.692.228,08 USD (tương đương với 38.914.476.928 VND);
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắn, lốp và các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: Không vượt quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 27.988.420.124 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
- + Thời hạn cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 26.670.530.892 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
- + Thời hạn cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.084.078.077 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

**(2) Khoản tiền vay của các cá nhân với thời gian dưới 12 tháng, lãi suất 6%/năm.**



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo):**

- (3) Hợp đồng tín dụng số 119-2016/HĐTD/NHCT126 ngày 24 tháng 08 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30,5 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2016-2017;
  - + Thời hạn cho vay: 40 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
  - + Lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 9.173.452.484 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.896.879.728 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay.
- (4) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm 17 hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với các thông tin như sau:
- + Số tiền cho thuê: 14.036.481.411 đồng;
  - + Mục đích vay: Sử dụng tài sản thuê phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: 48 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 14.036.481.411 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tiếp theo là 6.362.262.615 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Ký cược số tiền 1.067.052.000 VND.
- (5) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn được sử dụng để góp vốn điều lệ tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 0%/năm, hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2018 là 130.000.000.000 đồng.

**21 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập bắt đầu từ năm 2013 nhằm phục vụ việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới. Tuy nhiên, để tránh lãng phí việc sử dụng quỹ này trong thời gian tới nên Công ty thực hiện hoàn nhập 7.000.000.000 đồng được trích từ năm 2013 căn cứ theo nội dung của Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 1868/BB-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2017. Tính đến thời điểm 30/06/2018, số dư Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ là 6.000.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính ghi**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày .....

**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>280.657.650.000</b>	<b>3.605</b>	<b>(23.970.000)</b>	<b>39.473.417.045</b>	<b>25.139.223.361</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	24.486.835.439
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(16.838.020.800)
Giảm quỹ thưởng năm 2016 của Ban điều hành	-	-	-	-	164.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(84.000.000)
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế	-	-	-	-	(11.406.386)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>280.657.650.000</b>	<b>3.605</b>	<b>(23.970.000)</b>	<b>39.473.417.045</b>	<b>32.856.631.614</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>280.657.650.000</b>	<b>3.605</b>	<b>(23.970.000)</b>	<b>50.011.480.090</b>	<b>12.342.997.290</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	11.981.960.515
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(5.705.673.600)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (**)	-	-	-	-	(45.000.000)
Điều chỉnh lại phân phối lợi nhuận các năm trước theo biên bản kiểm toán Nhà Nước	-	-	-	(318.854.429)	403.882.277
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>280.657.650.000</b>	<b>3.605</b>	<b>(23.970.000)</b>	<b>49.692.625.661</b>	<b>18.978.166.482</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 73/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tham chiếu	Số tiền VND
Vốn điều lệ Công ty đến 31/12/2017	(1)	280.657.650.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các năm trước	(2)	8.465.202.561
Lợi nhuận phát sinh năm 2017	(3)	43.241.793.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%)	(3.1)	8.998.358.777
Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế	(3.2)	179.406.386
Lợi nhuận còn lại	(3.3) = (3) - (3.1) - (3.2)	34.064.028.720
Trích các quỹ :	(3.4)	13.037.330.914
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%) (*)		10.219.208.616
- Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành		93.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8%) (**)		2.725.122.298
Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông	(4) = (2) + (3.3) - (3.4)	29.491.900.367
Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 6% vốn điều lệ	(5)	16.838.020.800
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (2% vốn điều lệ) (**)	(6)	5.612.673.600
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	(7) = (4) - (5) - (6)	7.041.205.967

(\*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ vào Báo cáo tài chính năm 2017 theo Biên bản Hội đồng quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 15/01/2018.

(\*\*) Theo thông báo của sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 19/06/2018, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 20/06/2018 và ngày thanh toán cổ tức là ngày 05/07/2018.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	51,00%	143.139.150.000	51,00%	143.139.150.000
Vốn góp của các cổ đông khác	48,99%	137.494.530.000	48,99%	137.494.530.000
Cổ phiếu quỹ	0,01%	23.970.000	0,01%	23.970.000
	<b>100%</b>	<b>280.657.650.000</b>	<b>100%</b>	<b>280.657.650.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.657.650.000	280.657.650.000
- Vốn góp đầu kỳ	280.657.650.000	280.657.650.000
- Vốn góp cuối kỳ	280.657.650.000	280.657.650.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.021.878.251	909.728.111
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	5.612.673.600	16.838.020.800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.612.673.600	16.838.020.800
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(219.974.043)	(16.778.862.570)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(219.974.043)	(16.778.862.570)
- Số dư cuối kỳ	<b>6.414.577.808</b>	<b>968.886.341</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.065.765	28.065.765
- Cổ phiếu phổ thông	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.397	2.397
- Cổ phiếu phổ thông	2.397	2.397
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- Cổ phiếu phổ thông	28.063.368	28.063.368
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	49.692.625.661	50.011.480.090
	<u>49.692.625.661</u>	<u>50.011.480.090</u>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.549,86	67.232,50

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	5.249.170.110	5.249.170.110
- Trong đó, nợ khó đòi đã xử lý khi cổ phần hóa là:	993.764.271	993.764.271

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2018	2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	455.110.309.650	443.281.188.009
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.676.508.502	6.104.761.842
Doanh thu bán vật tư	833.981.240	500.851.786
	<u>460.620.799.392</u>	<u>449.886.801.637</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	<u>3.035.252.000</u>	<u>4.648.125.179</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.083.616.753	1.171.080.197
	<b>1.083.616.753</b>	<b>1.171.080.197</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	378.169.328.120	361.892.877.826
Giá vốn của hàng hóa đã bán	295.000.000	534.750.000
Giá vốn của vật tư đã bán	730.613.005	395.838.225
	<b>379.194.941.125</b>	<b>362.823.466.051</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	161.678.569	401.452.769
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	77.531.068	209.717.903
Lợi nhuận phân chia trước thuế từ hợp đồng tác kinh doanh	300.000.000	300.000.000
	<b>539.209.637</b>	<b>911.170.672</b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.536.086.750	3.772.846.270
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.519.831.000	1.660.698.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	49.964.006	64.665.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	158.943.371	17.867.342
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	248.662.580	321.195.278
	<b>6.513.487.707</b>	<b>5.837.272.351</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.260.164.300	2.042.931.595
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.464.264	79.699.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.607.933.027	8.315.905.774
Chi phí quảng cáo	3.918.069.784	3.770.139.618
Chi phí bán hàng khác	9.652.376.776	6.811.737.243
	<b>25.547.008.151</b>	<b>21.020.413.889</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.254.965.939	14.443.101.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	863.315.143	1.180.706.788
Thuế, phí, lệ phí	8.208.079.264	4.516.842.284
Chi phí dự phòng	1.405.932.765	781.095.480
Chi phí khác bằng tiền	8.529.570.975	8.849.436.290
	<b><u>34.261.864.086</u></b>	<b><u>29.771.182.631</u></b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	100.301.287
Thu nhập từ xử lý kiểm kê	54.056.606	-
Thu nhập khác	400.517.191	374.601.022
	<b><u>454.573.797</u></b>	<b><u>474.902.309</u></b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ thu gom phế liệu và các khoản khác	36.214.360	40.915.200
	<b><u>36.214.360</u></b>	<b><u>40.915.200</u></b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.977.450.644	30.608.544.299
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.977.450.644	30.608.544.299
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>2.995.490.129</u></b>	<b><u>6.121.708.860</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.484.720.956	3.575.605.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.721.841.537)	(6.452.078.429)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>1.758.369.548</u></b>	<b><u>3.245.235.916</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.981.960.515	24.486.835.439
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.981.960.515	24.486.835.439
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	28.063.368	28.063.368
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>427</b>	<b>873</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.391.503.490	320.514.274.051
Chi phí nhân công	55.751.603.682	55.509.999.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.512.604.203	11.437.393.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.374.470.989	17.398.284.256
Chi phí khác bằng tiền	45.388.215.884	44.663.789.501
	<b>455.418.398.248</b>	<b>449.523.741.599</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.674.279.973	-	42.696.397.937	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	135.182.425.182	(4.674.677.462)	111.404.514.385	(3.268.744.697)
	<u>168.856.705.155</u>	<u>(4.674.677.462)</u>	<u>154.100.912.322</u>	<u>(3.268.744.697)</u>
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			299.691.599.295	273.405.625.343
Phải trả người bán, phải trả khác			219.622.206.909	202.692.491.003
Chi phí phải trả			7.012.452.630	455.379.870
			<u>526.326.258.834</u>	<u>476.553.496.216</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.674.279.973	-	-	33.674.279.973
Phải thu khách hàng, phải thu khác	129.653.371.720	854.376.000	-	130.507.747.720
	<u>163.327.651.693</u>	<u>854.376.000</u>	<u>-</u>	<u>164.182.027.693</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.696.397.937	-	-	42.696.397.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.216.717.688	919.052.000	-	108.135.769.688
	<u>149.913.115.625</u>	<u>919.052.000</u>	<u>-</u>	<u>150.832.167.625</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	155.740.807.743	143.950.791.552	-	299.691.599.295
Phải trả người bán, phải trả khác	76.122.206.909	143.500.000.000	-	219.622.206.909
Chi phí phải trả	7.012.452.630	-	-	7.012.452.630
	<b>238.875.467.282</b>	<b>287.450.791.552</b>	<b>-</b>	<b>526.326.258.834</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	130.562.980.999	142.842.644.344	-	273.405.625.343
Phải trả người bán, phải trả khác	59.192.491.003	143.500.000.000	-	202.692.491.003
Chi phí phải trả	455.379.870	-	-	455.379.870
	<b>190.210.851.872</b>	<b>286.342.644.344</b>	<b>-</b>	<b>476.553.496.216</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . THÔNG TIN KHÁC**

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàn Sơn". Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn được thành lập và chịu trách nhiệm triển khai dự án. Tính đến thời điểm 30/06/2018, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện ở giai đoạn 1 là hoàn thành thủ tục pháp lý.

Hiện nay, do việc triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành gửi công văn số 448/CV-TCKT ngày 19/03/2018 đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn đề nghị ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý nêu trên và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra, thực hiện theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước, Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch thoái hết phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn phù hợp quá trình triển khai Hợp đồng hợp tác đầu tư trên cơ sở theo đúng các quy định của Pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tới thời điểm 30/06/2018, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty là sản xuất và bán các loại sản phẩm từ cao su do Công ty tự sản xuất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu VND	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	82.088.447.189	240.615.601.464	65.137.703.930	71.695.430.056	459.537.182.639
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	906.492.822.362
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2.075.141.407	-	2.075.141.407	2.075.141.407

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>3.035.252.000</b>	<b>4.648.125.179</b>
Công ty CP SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm thao	Cùng tập đoàn	1.022.230.000	454.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	1.185.250.000	2.344.650.000
Công ty CP DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	-	985.115.179
Công ty CP Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Cùng tập đoàn	-	99.000.000
Công ty CP Phân lân Ninh Bình	Cùng tập đoàn	297.000.000	170.000.000
Công ty CP Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	530.772.000	522.960.000
Công ty CP DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	-	72.400.000
<b>Mua hàng hoá và dịch vụ</b>		<b>441.638.910</b>	<b>12.600.000</b>
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	65.560.000	12.600.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng tập đoàn	281.078.910	-
Trường Cao Đẳng Công nghiệp hóa chất	Cùng tập đoàn	95.000.000	-

Sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>2.912.868.500</b>	<b>5.514.573.500</b>
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	345.250.000	1.123.265.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	1.658.468.500	1.658.468.500
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng tập đoàn	-	99.000.000
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	107.800.000	88.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	440.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	-	2.105.840.000
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm thao	Cùng tập đoàn	361.350.000	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>-</b>	<b>120.462.390</b>
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng tập đoàn	-	120.462.390
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>95.000.000</b>	<b>4.950.000</b>
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	-	4.950.000
Trường Cao Đẳng Công nghiệp hóa chất	Cùng tập đoàn	95.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	192.110.000	228.005.470
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	724.460.949	693.643.867



